

Thanh khoản suy giảm

Trong tuần 51, thanh khoản trên thị trường đảo chiều ghi nhận giảm. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 173.0 triệu chứng quyền/262.2 tỷ đồng, giảm lần lượt 24.4%/ 41.4% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, MWG và HPG là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 34% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như MBB, STB, FPT, VNM và TCB.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CHDB2507 (+177.3%), CFPT2527 (+157.7%) và CVRE2520 (+109.6%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CTPB2510 (-99.0%), CSTB2537 (-84.8%) và CTCB2517 (-82.7%).

Mặc dù thanh khoản trên thị trường chứng quyền trong tuần qua có dấu hiệu sụt giảm, song số lượng chứng quyền tăng giá vẫn chiếm ưu thế, cho thấy tâm lý nhà đầu tư nhìn chung chưa quá bi quan. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVJV2502, CSTB2520 và CVRE2512. Ở hướng ngược lại, các mã như CVIC2516, CVIC2515 và CVHM2516 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 253 mã chứng quyền được định giá.

Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	253
Khối lượng giao dịch (tr.CQ)	173
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	262
CW tăng giá	177
CW giảm giá	69
CW tham chiếu	7

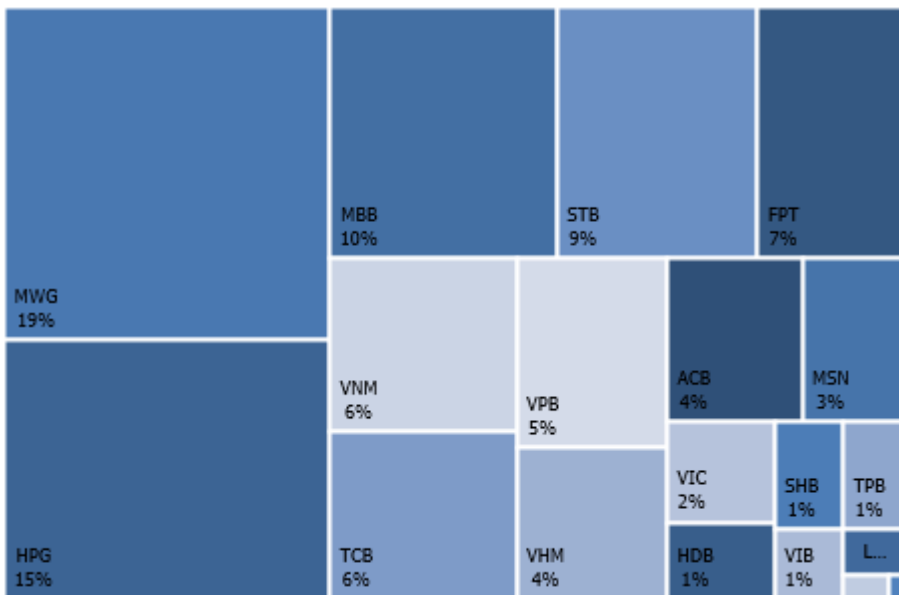
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. Định giá chứng quyền

Chứng quyền	253
Định giá thấp	21
Định giá cao	232

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. Top CW định giá thấp

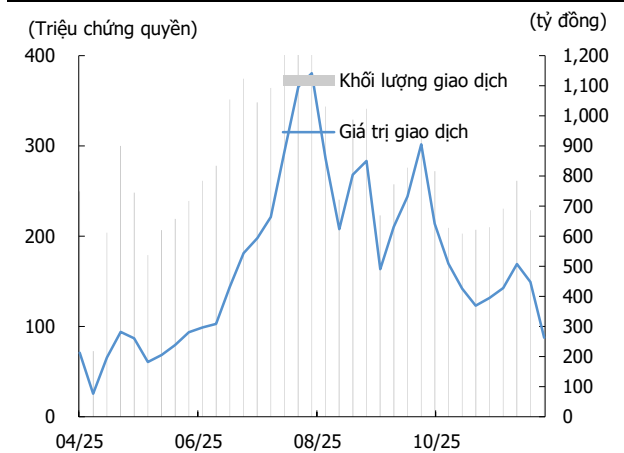
Mã	Giá thị trường	Giá nội tại	Chênh lệch
CVJC2505	4,410	4,684	(274)
CSTB2520	1,110	1,331	(221)
CVRE2512	4,390	4,454	(64)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Ghi chú: Tính đến cuối phiên thứ Sáu gần nhất

Phòng phân tích

Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW

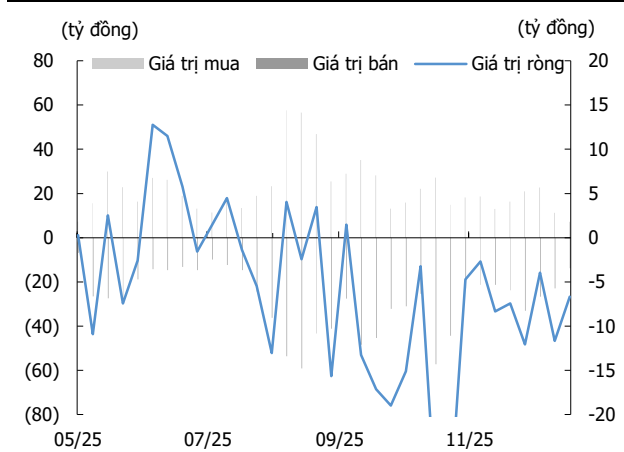
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 4. Top 10 giá trị giao dịch

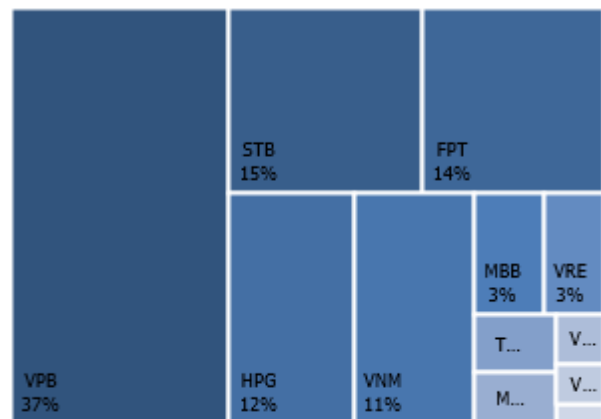
(đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CMWG2511	18/05/2026	3,650	12.7	15.0
CHPG2524	19/06/2026	2,810	12.7	13.9
CSTB2528	19/02/2026	940	10.6	10.4
CMBB2511	18/05/2026	2,960	14.3	9.1
CMWG2515	19/06/2026	5,000	23.2	7.3
CMWG2509	08/01/2026	3,700	19.0	6.1
CTCB2518	19/02/2026	910	21.3	4.7
CTCB2507	18/05/2026	2,540	20.4	4.6
CMWG2510	09/04/2026	3,800	8.6	4.4
CVNM2511	18/05/2026	2,290	6.0	4.3

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TS/CS

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Tỷ đồng, Chứng quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Vốn hóa CW	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	122,766.1	28.7%	10	216,970.0	10.3	7,455,158.0
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	63,445.5	2.3%				
BID	BIDV	Tài chính	264,705.3	17.1%				
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	40,085.4	26.8%				
CTG	VietinBank	Tài chính	267,572.2	25.6%				
FPT	FPT Corp	CNTT	159,959.3	39.1%	27	376,755.0	17.7	24,616,229.0
GAS	PV Gas	DV tiện ích	154,428.8	1.9%				
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	105,800.0	0.4%				
HDB	HDBank	Tài chính	129,886.9	23.7%	5	72,580.0	3.9	2,647,806.0
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	204,934.9	19.9%	25	370,815.0	39.2	26,433,576.0
MBB	MBBank	Tài chính	198,958.5	21.1%	16	294,034.0	26.5	10,888,200.0
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	109,600.4	22.6%	10	166,370.0	8.3	9,550,533.0
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	121,735.1	46.5%	19	375,710.0	50.6	16,854,709.0
SHB	Ngân hàng Sài Gòn	Tài chính	74,188.3	4.0%	8	31,780.0	3.4	3,048,700.0
SSB	Ngân hàng Đông Nam Á	Tài chính	49,787.5	0.2%	5	14,480.0	0.2	962,800.0
PLX	Petrolimex	Năng lượng	44,280.1	14.7%				
LPB	Ngân hàng Lạc Phát	Tài chính	129,946.8	0.9%	6	93,100.0	1.5	786,200.0
SAB	SABECO	TD thiết yếu	63,743.3	58.6%				
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	76,725.8	32.7%				
STB	Sacombank	Tài chính	92,375.6	14.2%	22	902,403.0	23.5	25,136,300.0
TCB	Techcombank	Tài chính	238,097.7	22.5%	15	216,953.0	14.6	12,932,800.0
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	46,742.7	24.7%	9	354,760.0	3.3	1,770,000.0
VCB	Vietcombank	Tài chính	480,451.3	21.2%				
VHM	Vinhomes	Bất động sản	416,902.3	8.8%	13	269,579.0	10.6	2,033,100.0
VIB	VIBBank	Tài chính	59,910.5	5.0%	7	105,400.0	2.2	1,274,800.0
VIC	VinGroup	Bất động sản	1,144,345.6	3.2%	6	73,370.0	5.0	364,342.0
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	118,263.1	7.3%	2	11,360.0	0.5	116,000.0
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	133,757.1	50.6%	13	155,987.0	15.1	10,024,369.0
VPB	VPBank	Tài chính	225,720.1	24.5%	22	250,855.0	13.4	8,761,900.0
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	72,032.5	13.7%	13	192,010.0	12.4	5,836,790.0

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

Ghi chú: CW: Chứng quyền và TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 6. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS				% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn	Giá đóng cửa			
1	CACB2517	4.0000 : 1	1,300	1,010	ACB	29,000	33,040	23,900	(27.6)	395	14/01/2027
2	CACB2516	4.0000 : 1	1,200	830	ACB	28,500	31,820	23,900	(24.8)	301	14/10/2026
3	CFPT2531	5.9382 : 1	3,000	1,020	FPT	113,321	119,378	93,900	(20.8)	143	07/05/2026
4	CFPT2530	4.9485 : 1	3,000	440	FPT	113,321	115,498	93,900	(18.1)	52	05/02/2026
5	CFPT2532	11.8764 : 1	1,400	1,640	FPT	100,950	120,427	93,900	(21.4)	301	14/10/2026
6	CFPT2533	11.8764 : 1	1,500	1,840	FPT	104,908	126,761	93,900	(25.4)	395	14/01/2027
7	CHPG2541	4.0000 : 1	1,500	1,320	HPG	33,000	38,280	26,700	(30.6)	395	14/01/2027
8	CHPG2540	4.0000 : 1	1,400	1,220	HPG	31,000	35,880	26,700	(25.9)	301	14/10/2026
9	CMBB2523	4.0000 : 1	1,400	1,200	MBB	30,000	34,800	24,700	(29.4)	395	14/01/2027
10	CMBB2522	4.0000 : 1	1,300	1,040	MBB	29,000	33,160	24,700	(25.9)	301	14/10/2026
11	CMWG2527	8.0000 : 1	2,200	2,100	MWG	95,000	111,800	82,900	(26.4)	395	14/01/2027
12	CMWG2526	8.0000 : 1	2,100	1,940	MWG	91,000	106,520	82,900	(22.8)	301	14/10/2026
13	CSTB2535	3.0000 : 1	3,000	270	STB	71,700	72,510	49,000	(33.7)	143	07/05/2026
14	CSTB2534	2.0000 : 1	3,000	170	STB	71,700	72,040	49,000	(33.3)	52	05/02/2026
15	CSTB2537	6.0000 : 1	2,500	1,230	STB	65,000	72,380	49,000	(33.6)	395	14/01/2027
16	CSTB2536	6.0000 : 1	2,300	1,050	STB	64,000	70,300	49,000	(31.7)	301	14/10/2026
17	CTCB2523	4.0000 : 1	2,200	1,410	TCB	45,500	51,140	33,600	(35.2)	395	14/01/2027
18	CTCB2522	4.0000 : 1	2,000	1,150	TCB	44,500	49,100	33,600	(32.5)	301	14/10/2026
19	CVHM2523	8.0000 : 1	3,000	2,450	VHM	140,000	159,600	101,500	(38.9)	301	14/10/2026
20	CVHM2524	8.0000 : 1	3,000	2,640	VHM	147,000	168,120	101,500	(42.0)	395	14/01/2027
21	CVIC2515	4.0000 : 1	3,000	13,820	VIC	122,500	177,780	148,500	(18.4)	301	14/10/2026
22	CVIC2516	4.0000 : 1	3,000	14,500	VIC	125,000	183,000	148,500	(20.7)	395	14/01/2027
23	CVPB2531	4.0000 : 1	1,900	1,310	VPB	34,000	39,240	28,450	(27.9)	301	14/10/2026
24	CVPB2532	4.0000 : 1	2,000	1,530	VPB	35,000	41,120	28,450	(31.2)	395	14/01/2027
25	CVPB2530	1.0000 : 1	3,000	1,010	VPB	37,800	38,810	28,450	(27.1)	143	07/05/2026
26	CVPB2529	1.0000 : 1	3,000	240	VPB	37,800	38,040	28,450	(25.6)	52	05/02/2026
27	CVRE2525	4.0000 : 1	2,100	1,110	VRE	48,000	52,440	31,700	(41.6)	301	14/10/2026
28	CVRE2526	4.0000 : 1	2,300	1,340	VRE	49,500	54,860	31,700	(44.2)	395	14/01/2027
29	CACB2513	2.0000 : 1	2,500	890	ACB	25,000	26,780	23,900	(10.6)	80	05/03/2026
30	CACB2515	2.0000 : 1	3,900	3,020	ACB	31,800	37,840	23,900	(36.8)	444	04/03/2027
31	CACB2514	2.0000 : 1	3,300	1,630	ACB	27,300	30,560	23,900	(21.7)	263	04/09/2026
32	CFPT2528	7.9176 : 1	3,900	2,670	FPT	91,151	112,291	93,900	(15.8)	263	04/09/2026
33	CFPT2527	7.9176 : 1	2,900	1,590	FPT	89,172	101,761	93,900	(7.0)	80	05/03/2026
34	CFPT2529	7.9176 : 1	4,700	4,020	FPT	105,799	137,628	93,900	(31.3)	444	04/03/2027
35	CHDB2508	2.3131 : 1	1,900	2,500	HDB	26,986	32,769	25,950	(22.5)	263	04/09/2026
36	CHDB2509	2.3131 : 1	2,200	3,300	HDB	28,682	36,315	25,950	(30.1)	444	04/03/2027
37	CHDB2507	2.3131 : 1	1,400	1,540	HDB	24,056	27,618	25,950	(8.0)	80	05/03/2026
38	CHPG2539	2.0000 : 1	4,000	2,750	HPG	34,300	39,800	26,700	(33.2)	444	04/03/2027
39	CHPG2537	2.0000 : 1	2,500	1,120	HPG	27,600	29,840	26,700	(10.9)	80	05/03/2026
40	CHPG2538	2.0000 : 1	3,400	2,150	HPG	30,100	34,400	26,700	(22.7)	263	04/09/2026
41	CMBB2521	2.0000 : 1	3,700	2,450	MBB	32,400	37,300	24,700	(34.1)	444	04/03/2027
42	CMBB2519	2.0000 : 1	2,300	870	MBB	26,600	28,340	24,700	(13.3)	80	05/03/2026
43	CMBB2520	2.0000 : 1	3,100	1,870	MBB	28,700	32,440	24,700	(24.2)	263	04/09/2026
44	CMSN2522	15.0000 : 1	1,200	990	MSN	93,900	108,750	75,800	(31.2)	354	04/12/2026
45	CMSN2521	15.0000 : 1	1,000	750	MSN	82,200	93,450	75,800	(19.9)	171	04/06/2026

46	CMWG2524	4.0000 : 1	3,800	3,520	MWG	89,300	103,380	82,900	(20.4)	263	04/09/2026
47	CMWG2525	4.0000 : 1	4,500	6,000	MWG	82,000	106,000	82,900	(22.4)	444	04/03/2027
48	CMWG2523	4.0000 : 1	2,800	2,880	MWG	74,600	86,120	82,900	(4.5)	80	05/03/2026
49	CSTB2533	3.0000 : 1	4,000	2,370	STB	71,000	78,110	49,000	(38.5)	444	04/03/2027
50	CSTB2532	3.0000 : 1	3,400	1,150	STB	68,700	72,150	49,000	(33.4)	263	04/09/2026
51	CSTB2531	3.0000 : 1	2,500	410	STB	60,100	61,330	49,000	(21.7)	80	05/03/2026
52	CTCB2520	2.0000 : 1	3,500	2,630	TCB	45,100	50,360	33,600	(34.2)	263	04/09/2026
53	CTCB2519	2.0000 : 1	2,600	600	TCB	43,300	44,500	33,600	(25.5)	80	05/03/2026
54	CTCB2521	2.0000 : 1	4,200	4,560	TCB	42,600	51,720	33,600	(35.9)	444	04/03/2027
55	CVIB2513	2.0000 : 1	2,700	1,760	VIB	21,000	24,520	17,600	(28.3)	354	04/12/2026
56	CVIB2512	2.0000 : 1	2,200	1,090	VIB	19,500	21,680	17,600	(19.0)	171	04/06/2026
57	CVNM2522	9.5597 : 1	1,400	1,240	VNM	57,836	69,690	64,000	(8.5)	171	04/06/2026
58	CVNM2523	9.5597 : 1	1,700	1,880	VNM	60,322	78,294	64,000	(18.5)	354	04/12/2026
59	CVPB2528	3.0000 : 1	1,700	1,770	VPB	37,300	42,610	28,450	(33.6)	354	04/12/2026
60	CVPB2527	3.0000 : 1	1,400	760	VPB	36,200	38,480	28,450	(26.5)	171	04/06/2026
61	CFPT2525	9.8970 : 1	1,800	630	FPT	101,939	108,174	93,900	(12.5)	96	23/03/2026
62	CFPT2525	9.8970 : 1	1,800	630	FPT	101,939	108,174	93,900	(12.5)	96	23/03/2026
63	CFPT2526	10.0000 : 1	1,800	670	FPT	115,300	122,000	93,900	(22.5)	188	23/06/2026
64	CFPT2526	10.0000 : 1	1,800	670	FPT	115,300	122,000	93,900	(22.5)	188	23/06/2026
65	CHPG2535	2.0000 : 1	2,500	650	HPG	29,700	31,000	26,700	(14.3)	96	23/03/2026
66	CHPG2536	2.0000 : 1	2,500	770	HPG	32,900	34,440	26,700	(22.8)	188	23/06/2026
67	CMWG2521	5.0000 : 1	1,800	940	MWG	91,000	95,700	82,900	(14.0)	96	23/03/2026
68	CMWG2522	5.0000 : 1	2,500	1,900	MWG	87,100	96,600	82,900	(14.8)	188	23/06/2026
69	CSTB2529	2.0000 : 1	3,200	290	STB	65,500	66,080	49,000	(27.3)	96	23/03/2026
70	CSTB2530	2.0000 : 1	4,000	670	STB	67,800	69,140	49,000	(30.5)	188	23/06/2026
71	CVPB2526	2.0000 : 1	3,200	1,190	VPB	32,600	34,980	28,450	(19.1)	188	23/06/2026
72	CVPB2525	2.0000 : 1	2,500	670	VPB	31,700	33,040	28,450	(14.4)	96	23/03/2026
73	CMWG2520	4.9291 : 1	1,200	1,990	MWG	77,879	87,688	82,900	(6.2)	66	19/02/2026
74	CSTB2528	3.0000 : 1	1,800	940	STB	49,000	51,820	49,000	(7.3)	66	19/02/2026
75	CTCB2518	1.9484 : 1	1,900	910	TCB	35,071	36,844	33,600	(10.0)	66	19/02/2026
76	CACB2512	3.0000 : 1	1,600	200	ACB	29,000	29,600	23,900	(19.2)	67	20/02/2026
77	CHDB2506	2.3131 : 1	1,900	1,010	HDB	25,444	27,780	25,950	(8.6)	67	20/02/2026
78	CHPG2533	3.0000 : 1	1,700	790	HPG	29,000	31,370	26,700	(15.3)	67	20/02/2026
79	CMSN2519	5.0000 : 1	3,300	1,750	MSN	86,000	94,750	75,800	(21.0)	152	18/05/2026
80	CMWG2519	5.0000 : 1	2,000	2,720	MWG	75,000	88,600	82,900	(7.2)	152	18/05/2026
81	CSHB2511	1.0000 : 1	4,000	1,490	SHB	18,000	19,490	16,150	(17.9)	67	20/02/2026
82	CSTB2526	6.0000 : 1	1,500	280	STB	55,000	56,680	49,000	(15.2)	67	20/02/2026
83	CTCB2514	2.9226 : 1	2,300	600	TCB	38,968	40,722	33,600	(18.6)	67	20/02/2026
84	CTPB2507	1.9063 : 1	1,600	390	TPB	20,970	21,713	16,850	(22.9)	67	20/02/2026
85	CVIB2511	2.0000 : 1	1,800	480	VIB	21,000	21,960	17,600	(20.0)	67	20/02/2026
86	CVPB2523	2.0000 : 1	5,000	1,330	VPB	28,000	30,660	28,450	(7.7)	67	20/02/2026
87	CVRE2522	2.0000 : 1	4,600	4,800	VRE	25,000	34,600	31,700	(11.5)	152	18/05/2026
88	CFPT2524	24.7425 : 1	1,000	440	FPT	117,466	128,353	93,900	(26.3)	188	23/06/2026
89	CFPT2523	24.7425 : 1	1,000	190	FPT	116,586	121,287	93,900	(22.0)	96	23/03/2026
90	CFPT2522	24.7425 : 1	1,000	20	FPT	115,586	116,081	93,900	(18.5)	6	23/12/2025
91	CHPG2534	4.0000 : 1	1,000	650	HPG	31,111	33,711	26,700	(21.2)	188	23/06/2026
92	CLPB2509	8.0000 : 1	1,000	560	LPB	56,333	60,813	43,500	(27.9)	188	23/06/2026
93	CMSN2520	10.0000 : 1	1,000	900	MSN	97,111	106,111	75,800	(29.5)	188	23/06/2026

94	CSHB2514	2.0000 : 1	1,100	840	SHB	20,678	22,358	16,150	(28.4)	188	23/06/2026
95	CSHB2512	2.0000 : 1	1,000	70	SHB	20,345	20,485	16,150	(21.9)	6	23/12/2025
96	CSHB2513	2.0000 : 1	1,000	600	SHB	20,567	21,767	16,150	(26.5)	96	23/03/2026
97	CSSB2509	4.0000 : 1	1,000	250	SSB	26,456	27,456	17,500	(36.3)	188	23/06/2026
98	CSTB2527	5.0000 : 1	1,100	700	STB	66,555	70,055	49,000	(31.4)	188	23/06/2026
99	CTCB2516	4.8710 : 1	1,000	190	TCB	45,202	46,127	33,600	(28.1)	96	23/03/2026
100	CTCB2515	4.8710 : 1	1,000	140	TCB	44,812	45,494	33,600	(27.1)	6	23/12/2025
101	CTCB2517	4.8710 : 1	1,100	1,160	TCB	45,582	51,232	33,600	(35.3)	188	23/06/2026
102	CTPB2508	1.9063 : 1	1,000	10	TPB	24,210	24,229	16,850	(30.9)	6	23/12/2025
103	CTPB2510	1.9063 : 1	1,100	1,080	TPB	24,686	26,745	16,850	(37.4)	188	23/06/2026
104	CTPB2509	1.9063 : 1	1,100	290	TPB	24,591	25,144	16,850	(33.4)	96	23/03/2026
105	CVHM2521	8.0000 : 1	1,100	1,990	VHM	115,678	131,598	101,500	(25.9)	157	21/05/2026
106	CVHM2522	8.0000 : 1	1,100	1,740	VHM	117,688	131,608	101,500	(25.9)	188	23/06/2026
107	CVIC2514	5.0000 : 1	1,100	16,000	VIC	74,444	154,444	148,500	(6.1)	188	23/06/2026
108	CVIC2513	5.0000 : 1	1,100	16,340	VIC	73,500	155,200	148,500	(6.5)	157	21/05/2026
109	CVJC2506	10.0000 : 1	1,100	4,960	VJC	167,799	217,399	199,900	(10.7)	188	23/06/2026
110	CVNM2521	9.5597 : 1	1,000	990	VNM	67,300	76,764	64,000	(16.9)	188	23/06/2026
111	CVPB2524	4.0000 : 1	1,100	590	VPB	43,111	45,471	28,450	(37.8)	188	23/06/2026
112	CVRE2524	4.0000 : 1	1,100	1,030	VRE	35,888	40,008	31,700	(23.5)	188	23/06/2026
113	CVRE2523	4.0000 : 1	1,000	890	VRE	34,999	38,559	31,700	(20.6)	96	23/03/2026
114	CFPT2521	18.8043 : 1	1,190	370	FPT	121,238	128,196	93,900	(26.2)	186	19/06/2026
115	CFPT2520	14.8455 : 1	1,310	510	FPT	130,047	137,618	93,900	(31.3)	216	21/07/2026
116	CHPG2529	4.0000 : 1	1,000	690	HPG	28,050	30,810	26,700	(13.7)	157	21/05/2026
117	CHPG2531	4.0000 : 1	1,000	800	HPG	29,900	33,100	26,700	(19.7)	186	19/06/2026
118	CHPG2532	3.0000 : 1	1,190	1,180	HPG	31,200	34,740	26,700	(23.5)	216	21/07/2026
119	CHPG2530	3.0000 : 1	1,250	1,090	HPG	28,600	31,870	26,700	(16.6)	186	19/06/2026
120	CMWG2518	6.9007 : 1	1,370	2,300	MWG	82,611	98,483	82,900	(16.5)	216	21/07/2026
121	CMWG2517	8.8723 : 1	1,370	1,680	MWG	76,401	91,306	82,900	(9.9)	157	21/05/2026
122	CMWG2516	7.8865 : 1	1,400	1,790	MWG	79,851	93,968	82,900	(12.5)	186	19/06/2026
123	CSTB2524	5.0000 : 1	1,390	970	STB	53,900	58,750	49,000	(18.2)	186	19/06/2026
124	CSTB2525	4.0000 : 1	1,500	1,300	STB	57,200	62,400	49,000	(23.0)	216	21/07/2026
125	CTPB2506	1.9063 : 1	1,170	1,430	TPB	16,871	19,597	16,850	(14.6)	216	21/07/2026
126	CVHM2520	5.0000 : 1	1,500	3,600	VHM	111,900	129,900	101,500	(24.9)	216	21/07/2026
127	CVHM2519	7.0000 : 1	1,500	2,650	VHM	108,200	126,750	101,500	(23.0)	157	21/05/2026
128	CVNM2520	6.6918 : 1	1,250	1,450	VNM	63,190	72,893	64,000	(12.5)	216	21/07/2026
129	CVPB2522	2.0000 : 1	1,250	3,400	VPB	24,650	31,450	28,450	(10.0)	216	21/07/2026
130	CVPB2521	3.0000 : 1	1,120	2,800	VPB	22,150	30,550	28,450	(7.4)	216	21/07/2026
131	CVRE2520	3.0000 : 1	1,500	1,640	VRE	32,700	37,620	31,700	(18.6)	186	19/06/2026
132	CVRE2521	2.0000 : 1	1,500	2,410	VRE	35,700	40,520	31,700	(24.5)	216	21/07/2026
133	CFPT2519	6.8870 : 1	1,500	350	FPT	121,385	123,795	93,900	(23.6)	66	19/02/2026
134	CHPG2528	2.0000 : 1	1,100	540	HPG	30,000	31,080	26,700	(14.5)	66	19/02/2026
135	CMBB2518	1.5000 : 1	1,400	2,260	MBB	21,750	25,140	24,700	(2.2)	66	19/02/2026
136	CHPG2527	4.0000 : 1	1,000	910	HPG	27,444	31,084	26,700	(14.5)	136	30/04/2026
137	CLPB2507	5.0000 : 1	1,100	1,720	LPB	37,979	46,579	43,500	(5.9)	74	27/02/2026
138	CLPB2506	5.0000 : 1	1,100	1,920	LPB	37,399	46,999	43,500	(6.7)	46	30/01/2026
139	CLPB2508	8.0000 : 1	1,100	1,100	LPB	38,688	47,488	43,500	(7.7)	105	01/04/2026
140	CLPB2505	4.0000 : 1	1,100	1,980	LPB	36,688	44,608	43,500	(1.7)	17	02/01/2026
141	CMSN2518	10.0000 : 1	1,100	540	MSN	89,999	95,399	75,800	(21.6)	136	30/04/2026

142	CSHB2508	1.7698 : 1	1,000	1,950	SHB	13,174	16,625	16,150	(3.8)	46	30/01/2026
143	CSHB2509	1.7698 : 1	1,100	2,380	SHB	13,470	17,682	16,150	(9.5)	105	01/04/2026
144	CSHB2510	1.7698 : 1	1,100	2,670	SHB	13,666	18,391	16,150	(13.0)	136	30/04/2026
145	CSSB2507	4.0000 : 1	1,000	280	SSB	20,999	22,119	17,500	(20.9)	105	01/04/2026
146	CSSB2506	2.0000 : 1	1,000	230	SSB	20,555	21,015	17,500	(16.8)	46	30/01/2026
147	CSSB2508	4.0000 : 1	1,000	280	SSB	21,666	22,786	17,500	(23.2)	136	30/04/2026
148	CSTB2523	8.0000 : 1	1,100	680	STB	56,868	62,308	49,000	(22.9)	136	30/04/2026
149	CTPB2505	3.8127 : 1	1,000	1,550	TPB	14,944	20,854	16,850	(19.7)	74	27/02/2026
150	CVHM2518	8.0000 : 1	1,100	2,800	VHM	90,999	113,399	101,500	(14.0)	136	30/04/2026
151	CVIB2510	3.5130 : 1	1,000	480	VIB	19,223	20,909	17,600	(16.0)	74	27/02/2026
152	CVIC2511	4.0000 : 1	1,100	24,000	VIC	56,990	152,990	148,500	(5.2)	136	30/04/2026
153	CVJC2505	20.0000 : 1	1,000	4,410	VJC	106,868	195,068	199,900	(0.5)	74	27/02/2026
154	CVNM2517	9.5597 : 1	1,000	290	VNM	63,943	66,715	64,000	(4.4)	46	30/01/2026
155	CVNM2518	9.5597 : 1	1,000	520	VNM	65,112	70,083	64,000	(9.0)	105	01/04/2026
156	CVNM2519	9.5597 : 1	1,100	570	VNM	65,961	71,410	64,000	(10.7)	136	30/04/2026
157	CVPB2518	4.0000 : 1	1,000	1,950	VPB	20,999	28,799	28,450	(1.8)	46	30/01/2026
158	CVPB2520	4.0000 : 1	1,000	1,800	VPB	22,222	29,422	28,450	(3.8)	136	30/04/2026
159	CVPB2519	4.0000 : 1	1,000	1,790	VPB	21,888	29,048	28,450	(2.6)	105	01/04/2026
160	CVRE2518	4.0000 : 1	1,100	1,300	VRE	28,999	34,199	31,700	(10.5)	136	30/04/2026
161	CVRE2519	4.0000 : 1	1,100	1,780	VRE	29,999	37,119	31,700	(17.5)	166	01/06/2026
162	CACB2511	2.0000 : 1	2,000	1,740	ACB	23,000	26,480	23,900	(9.6)	278	21/09/2026
163	CACB2510	2.0000 : 1	1,800	1,570	ACB	22,500	25,640	23,900	(6.7)	186	19/06/2026
164	CFPT2517	8.6088 : 1	2,300	950	FPT	105,888	114,066	93,900	(17.1)	186	19/06/2026
165	CFPT2518	8.6088 : 1	2,600	1,300	FPT	105,888	117,079	93,900	(19.2)	278	21/09/2026
166	CHPG2525	1.6654 : 1	2,800	3,100	HPG	24,149	29,312	26,700	(9.3)	278	21/09/2026
167	CHPG2524	1.6654 : 1	2,500	2,810	HPG	23,733	28,413	26,700	(6.5)	186	19/06/2026
168	CLPB2503	4.0000 : 1	1,600	2,970	LPB	35,000	46,880	43,500	(6.5)	186	19/06/2026
169	CMBB2517	1.5000 : 1	2,400	4,270	MBB	20,250	26,655	24,700	(7.8)	278	21/09/2026
170	CMBB2516	1.5000 : 1	2,200	3,990	MBB	19,875	25,860	24,700	(4.9)	186	19/06/2026
171	CMSN2516	4.0000 : 1	3,300	3,580	MSN	72,000	86,320	75,800	(13.3)	186	19/06/2026
172	CMWG2515	3.9433 : 1	3,100	5,000	MWG	67,035	86,752	82,900	(5.2)	186	19/06/2026
173	CSTB2521	4.0000 : 1	2,200	1,310	STB	50,000	55,240	49,000	(13.0)	186	19/06/2026
174	CTCB2512	1.9484 : 1	2,800	1,540	TCB	36,045	39,046	33,600	(15.1)	186	19/06/2026
175	CVHM2516	4.0000 : 1	3,400	10,450	VHM	79,000	120,800	101,500	(19.2)	186	19/06/2026
176	CVIB2508	1.7565 : 1	1,500	1,830	VIB	16,687	19,901	17,600	(11.7)	186	19/06/2026
177	CVNM2515	3.8239 : 1	2,300	2,750	VNM	57,358	67,874	64,000	(6.0)	186	19/06/2026
178	CVPB2516	2.0000 : 1	1,700	4,710	VPB	20,000	29,420	28,450	(3.8)	186	19/06/2026
179	CVRE2516	2.0000 : 1	2,800	3,870	VRE	26,000	33,740	31,700	(9.3)	186	19/06/2026
180	CACB2509	3.0000 : 1	1,800	1,220	ACB	20,500	24,160	23,900	(1.0)	35	21/01/2026
181	CFPT2516	8.6088 : 1	2,400	280	FPT	101,584	103,994	93,900	(9.0)	35	21/01/2026
182	CHPG2522	2.4982 : 1	2,300	2,450	HPG	21,651	27,772	26,700	(4.3)	94	19/03/2026
183	CHPG2523	2.4982 : 1	2,000	1,980	HPG	24,149	29,095	26,700	(8.6)	186	19/06/2026
184	CMBB2514	2.2500 : 1	2,100	2,990	MBB	18,000	24,728	24,700	(0.6)	4	19/12/2025
185	CMBB2515	2.2500 : 1	1,750	2,280	MBB	20,250	25,380	24,700	(3.2)	94	19/03/2026
186	CMSN2515	8.0000 : 1	2,400	1,430	MSN	64,000	75,440	75,800	(0.8)	4	19/12/2025
187	CMWG2514	4.9291 : 1	2,650	3,800	MWG	63,092	81,823	82,900	0.5	4	19/12/2025
188	CSTB2520	3.0000 : 1	3,300	1,110	STB	48,000	51,330	49,000	(6.4)	94	19/03/2026
189	CSTB2519	3.0000 : 1	3,000	1,540	STB	51,000	55,620	49,000	(13.6)	186	19/06/2026

190	CTCB2511	2.9226 : 1	2,200	1,270	TCB	34,097	37,809	33,600	(12.3)	94	19/03/2026
191	CTCB2510	2.9226 : 1	2,800	1,100	TCB	30,200	33,415	33,600	(0.8)	4	19/12/2025
192	CTPB2504	1.9063 : 1	1,800	2,240	TPB	12,391	16,661	16,850	0.5	4	19/12/2025
193	CVHM2515	5.0000 : 1	4,000	6,800	VHM	61,000	95,000	101,500	2.7	4	19/12/2025
194	CVIB2507	1.7565 : 1	2,400	1,520	VIB	14,930	17,600	17,600	(0.2)	4	19/12/2025
195	CVNM2514	7.6478 : 1	1,700	1,350	VNM	53,535	63,860	64,000	(0.1)	35	21/01/2026
196	CVRE2515	2.0000 : 1	3,000	3,000	VRE	24,000	30,000	31,700	2.0	4	19/12/2025
197	CFPT2513	11.0965 : 1	1,700	470	FPT	115,234	120,449	93,900	(21.5)	152	18/05/2026
198	CHPG2518	2.4982 : 1	1,700	1,900	HPG	23,316	28,063	26,700	(5.3)	152	18/05/2026
199	CMBB2511	2.2500 : 1	1,800	2,960	MBB	18,750	25,410	24,700	(3.3)	152	18/05/2026
200	CMSN2512	7.0000 : 1	2,200	3,510	MSN	60,000	84,570	75,800	(11.5)	152	18/05/2026
201	CMWG2511	5.9149 : 1	2,400	3,650	MWG	63,092	84,681	82,900	(2.9)	152	18/05/2026
202	CSTB2515	3.0000 : 1	2,900	3,500	STB	40,000	50,500	49,000	(4.9)	152	18/05/2026
203	CTCB2507	2.9226 : 1	2,800	2,540	TCB	27,765	35,188	33,600	(5.8)	152	18/05/2026
204	CTPB2503	1.9063 : 1	1,700	3,050	TPB	12,391	18,205	16,850	(8.0)	152	18/05/2026
205	CVHM2512	4.0000 : 1	2,950	11,550	VHM	58,000	104,200	101,500	(6.4)	152	18/05/2026
206	CVIB2504	1.7565 : 1	1,900	2,130	VIB	16,687	20,428	17,600	(14.0)	152	18/05/2026
207	CVNM2511	5.7358 : 1	2,200	2,290	VNM	52,579	65,714	64,000	(2.9)	152	18/05/2026
208	CVPB2513	2.0000 : 1	2,500	5,500	VPB	18,000	29,000	28,450	(2.4)	152	18/05/2026
209	CVRE2512	2.0000 : 1	2,900	4,390	VRE	23,500	32,280	31,700	(5.2)	152	18/05/2026
210	CFPT2512	8.5359 : 1	2,800	660	FPT	107,551	113,185	93,900	(16.4)	115	09/04/2026
211	CFPT2511	8.5359 : 1	2,400	80	FPT	105,844	106,527	93,900	(11.2)	24	08/01/2026
212	CHPG2517	1.6654 : 1	3,000	3,850	HPG	21,234	27,646	26,700	(3.9)	115	09/04/2026
213	CMBB2510	1.5000 : 1	2,800	4,620	MBB	18,375	25,305	24,700	(2.9)	115	09/04/2026
214	CMBB2509	1.5000 : 1	2,400	4,250	MBB	18,375	24,750	24,700	(0.7)	24	08/01/2026
215	CMSN2511	8.0000 : 1	1,700	2,070	MSN	59,000	75,560	75,800	(1.0)	24	08/01/2026
216	CMWG2509	7.8865 : 1	1,400	3,700	MWG	53,727	82,907	82,900	(0.8)	24	08/01/2026
217	CMWG2510	7.8865 : 1	1,600	3,800	MWG	54,220	84,189	82,900	(2.3)	115	09/04/2026
218	CSTB2513	4.0000 : 1	2,000	2,490	STB	39,000	48,960	49,000	(1.9)	24	08/01/2026
219	CSTB2514	4.0000 : 1	2,200	2,740	STB	39,500	50,460	49,000	(4.8)	115	09/04/2026
220	CTPB2502	1.7771 : 1	1,400	2,490	TPB	12,440	16,865	16,850	(0.7)	24	08/01/2026
221	CVHM2511	4.0000 : 1	3,000	11,070	VHM	58,000	102,280	101,500	(4.6)	115	09/04/2026
222	CVHM2510	4.0000 : 1	2,600	11,010	VHM	57,500	101,540	101,500	(3.9)	24	08/01/2026
223	CVIC2509	2.0000 : 1	3,000	58,660	VIC	34,000	151,320	148,500	(4.1)	24	08/01/2026
224	CVNM2510	7.3863 : 1	1,600	1,020	VNM	56,321	63,855	64,000	(0.1)	24	08/01/2026
225	CVPB2512	1.9471 : 1	2,200	5,270	VPB	18,497	28,758	28,450	(1.6)	115	09/04/2026
226	CVPB2511	1.9471 : 1	2,000	5,360	VPB	18,011	28,447	28,450	(0.6)	24	08/01/2026
227	CVRE2511	2.0000 : 1	2,300	5,280	VRE	21,500	32,060	31,700	(4.5)	115	09/04/2026
228	CFPT2510	21.3395 : 1	1,000	240	FPT	131,451	136,572	93,900	(30.7)	66	19/02/2026
229	CHDB2505	3.0841 : 1	1,000	1,920	HDB	21,417	27,338	25,950	(7.1)	66	19/02/2026
230	CHPG2516	3.3309 : 1	1,000	550	HPG	27,572	29,404	26,700	(9.6)	66	19/02/2026
231	CMSN2510	10.0000 : 1	1,000	350	MSN	83,399	86,899	75,800	(13.9)	66	19/02/2026
232	CMWG2508	9.8582 : 1	1,000	1,530	MWG	71,964	87,047	82,900	(5.5)	66	19/02/2026
233	CSHB2505	1.7052 : 1	1,000	3,100	SHB	11,765	17,051	16,150	(6.2)	66	19/02/2026
234	CSSB2504	4.0000 : 1	1,000	400	SSB	23,123	24,723	17,500	(29.3)	66	19/02/2026
235	CSTB2512	4.0000 : 1	1,100	1,280	STB	45,999	51,119	49,000	(6.0)	66	19/02/2026
236	CVNM2509	7.3863 : 1	1,000	350	VNM	66,476	69,061	64,000	(7.6)	66	19/02/2026
237	CVPB2510	1.9471 : 1	1,100	3,480	VPB	23,040	29,816	28,450	(5.1)	66	19/02/2026

238	CFPT2508	6.8286 : 1	4,900	90	FPT	136,573	137,188	93,900	(31.0)	48	03/02/2026
239	CHPG2510	2.4982 : 1	2,400	1,790	HPG	24,149	28,621	26,700	(7.1)	48	03/02/2026
240	CMBB2507	1.5000 : 1	3,000	4,650	MBB	18,000	24,975	24,700	(1.6)	48	03/02/2026
241	CFPT2505	8.5359 : 1	2,730	10	FPT	134,866	134,951	93,900	(29.9)	21	07/01/2026
242	CHPG2506	3.3309 : 1	1,220	1,110	HPG	23,150	26,847	26,700	(1.0)	21	07/01/2026
243	CMBB2505	2.2500 : 1	1,540	3,530	MBB	17,100	25,043	24,700	(1.8)	111	07/04/2026
244	CTCB2504	5.8452 : 1	1,100	1,660	TCB	23,868	33,571	33,600	(1.2)	21	07/01/2026
245	CVHM2503	7.0000 : 1	1,480	8,480	VHM	42,000	101,360	101,500	(3.7)	111	07/04/2026
246	CVPB2504	2.9206 : 1	1,460	3,240	VPB	19,471	28,934	28,450	(2.2)	111	07/04/2026
247	CACB2502	1.6712 : 1	2,500	1,800	ACB	23,397	26,405	23,900	(9.4)	97	24/03/2026
248	CFPT2503	8.5359 : 1	2,800	180	FPT	153,644	155,180	93,900	(39.0)	97	24/03/2026
249	CHPG2505	1.6654 : 1	2,600	2,360	HPG	24,982	28,912	26,700	(8.1)	97	24/03/2026
250	CMBB2504	1.3033 : 1	2,300	5,780	MBB	17,594	25,127	24,700	(2.2)	97	24/03/2026
251	CMWG2504	4.9291 : 1	2,900	3,920	MWG	65,064	84,386	82,900	(2.5)	97	24/03/2026
252	CVNM2503	4.5806 : 1	2,600	1,450	VNM	63,212	69,854	64,000	(8.7)	97	24/03/2026
253	CVPB2502	1.9471 : 1	1,900	4,330	VPB	20,444	28,875	28,450	(2.0)	97	24/03/2026

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

CW: Chứng quyền, Sắp xếp theo Ngày giao dịch cuối cùng

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..